

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC TẬP LẦN 1 (HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2022-2023)

LỚP K16A-D3A (BẠC CAO ĐẲNG TT09, NGÀNH DƯỢC, KHÓA 2022-2025)

				Số Đvht :	3	1	2	3	2	4				
				Số thứ tự :	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)				
TT	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	GDQP	LT	SH - DT	HĐCVC	GDPL	CT	ĐTB	Xếp loại	Kết quả rèn luyện	Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)
1	16011014	Trần Trọng	An	03/05/2004		7.3	7.1	7.5	7.7	7.3	7.4	Khá		
2	16011013	Lê Thị Quỳnh	Anh	21/01/2004		7.5	6.9	7.3	8.7	8.7	8.0	Giỏi		
3	16011013	Nguyễn Thị	Ánh	19/07/2004		7.4	7.1	7.4	8.3	8.4	7.8	Khá		
4	16011011	Bùi Viết	Chuyên	26/03/2004		7.3	6.5	7.5	6.7	7.3	7.1	Khá		
5	16011012	Điêu Thị Kiều	Diễm	04/01/2004		6.9	6.3	7.0	8.3	7.2	7.2	Khá		
6	16011019	Hoàng Thị	Diệp	28/09/2004		0.0	6.4	6.6	8.6	7.7	6.7	T.bình khá		1=20.0%(2:0)
7	16011016	Bùi Vũ	Định	01/10/2001		0.0	2.5	1.5	2.3	0.0	1.2	Yếu		5=100.0%(2:0)(3:0)(5:0)(6:0)
8	16011011	Lương Minh	Đức	05/04/2004		0.0	2.7	6.0	3.1	3.0	3.5	Yếu		4=80.0%(2:0)(3:0)(5:0)(6:0)
9	16011009	Nguyễn Thị Hải	Duyên	03/01/2003		7.3	7.7	6.8	8.7	8.0	7.7	Khá		
10	16011016	Hoàng Thị Khánh	Duyên	09/10/2004		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(3:0)(5:0)(6:0)
11	16011017	Bùi Quỳnh	Giang	19/10/2004		7.2	2.1	6.7	7.6	7.4	6.4	T.bình khá		1=20.0%(3:0)
12	16011017	Lê Thị	Hiền	04/05/2003		5.8	7.3	7.6	7.2	8.7	7.7	Khá		
13	16011016	Phùng Thị	Hồng	02/08/2004		6.1	7.3	7.3	7.9	7.6	7.4	Khá		
14	16011009	Bùi Thị Quỳnh	Hương	27/02/2004		0.0	0.0	1.5	0.0	0.0	0.4	Yếu		5=100.0%(2:0)(3:0)(5:0)(6:0)
15	16011012	Quách Thị Thu	Hương	17/01/2004		6.9	7.3	6.5	8.8	8.0	7.6	Khá		
16	16011016	Nguyễn Linh	Hương	18/03/2004		6.7	6.9	6.4	8.1	7.3	7.1	Khá		
17	16011019	Nguyễn Thị Diệu	Hương	22/04/2004		0.7	7.9	7.4	8.6	8.7	7.6	Khá		1=20.0%(2:0)
18	16011019	Trần Thị Thanh	Huyền	07/02/2004		0.0	7.9	7.5	8.6	7.2	7.0	Khá		1=20.0%(2:0)
19	16011013	Lý Thu	Lan	13/07/2004		5.8	7.7	7.4	8.9	7.2	7.5	Khá		

			Số Đvht :	3	1	2	3	2	4				
			Số thứ tự :	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)				
TT	Mã số	Họ và tên	Ngày sinh	GDQP	LT	SH - DT	HĐCVC	GDPL	CT	ĐTB	Xếp loại	Kết quả rèn luyện	Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)
20	16011014	Vũ Thị Linh	02/02/2004		6.3	7.6	7.8	7.1	7.4	7.4	Khá		
21	16011015	Lê Hoài Linh	04/09/2004		7.6	7.6	7.5	8.8	7.8	7.8	Khá		
22	16011016	Mai Ngọc Linh	17/12/2004		6.4	7.1	6.8	8.7	7.8	7.5	Khá		
23	15011011	Trần Quang Hưng	28/12/2003	6.1	7.1					6.4	T.bình khá		1=20.0%
24	16011018	Trương Hoài Linh	04/10/2004		7.6	6.9				7.3	Khá		
25	15011011	Trần Quang Hưng	28/12/2003			7.1	6.8			6.4	T.bình khá		1=20.0%
26	16011018	Trương Hoài Linh	04/10/2004				7.0			7.3	Khá		
27	15011011	Trần Quang Hưng	28/12/2003					4.5		6.4	T.bình khá		1=20.0%(5:3.5)
28	16011018	Trương Hoài Linh	04/10/2004					6.9	7.7	7.3	Khá		
29	15011011	Trần Quang Hưng	28/12/2003						6.4	6.4	T.bình khá		1=20.0%
30	16011011	Lò Thị Luyến	04/03/2004		2.8	7.5	7.1	6.6	7.8	7.0	Khá		1=20.0%(2:0)
31	16011018	Triệu Thị Ly	27/02/2004		7.9	7.1	7.1	8.2	6.8	7.3	Khá		
32	16011023	Ngô Khánh Ly	07/12/2004		6.4	7.6	6.5	6.3	7.9	7.1	Khá		
33	16011010	Phùng Thị Ngọc Mai	21/01/2004		0.0	0.0	1.2	0.0	0.0	0.3	Yếu		5=100.0%(2:0)(3:0)(5:0)(6:0)
34	16011018	Nguyễn Hoàng Mai	04/11/2004		0.0	6.6	6.6	8.2	7.4	6.6	T.bình khá		1=20.0%(2:0)

Xếp loại học tập: Xuất sắc: 0 (0.0%), Giỏi: 1 (2.9%), Khá: 21 (61.8%), T.bình khá: 7 (20.6%), Trung bình: 0 (0.0%), Yếu: 5 (14.7%),
Xếp loại rèn luyện: Xuất sắc: 0 (0.0%), Tốt: 0 (0.0%), Khá: 0 (0.0%), Trung bình: 0 (0.0%), Yếu: 0 (0.0%),

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
TPHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Lê Thanh Sơn

Ghi chú:			
(1) GDQP: GDQP	(2) LT: LATIN	(3) SH - DT: SINH HỌC VÀ DI TRUYỀN	(4) HĐCVC: HÓA ĐẠI CƯƠNG VÔ CƠ
(5) GDPL: GDPL	(6) CT: CHÍNH TRỊ		